

Số: 1787/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 30 tháng 9 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1096/TTr - SKHĐT ngày 25/9/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước với nội dung như sau:

1. Tên công trình: Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hòa Bình.

4. Chủ nhiệm lập dự án: KS. Cao Văn Vinh.

5. Mục tiêu đầu tư: Cung cấp nước sinh hoạt đạt tiêu chuẩn cho khoảng 450 hộ dân tại khu vực trung tâm xã, khu chợ, các trường học, cơ quan hành chính và các hộ dân sống hai bên tuyến đường ĐT 756, ĐT748 thuộc xã Lộc Hiệp, góp phần nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh theo Quy chuẩn quốc gia lên 90%, trong đó có 38% số dân của xã được sử dụng nước sinh hoạt đạt Quy chuẩn 02 của Bộ Y tế sau khi hoàn thành dự án, đáp ứng tiêu chí xã nông thôn mới. Cải thiện môi trường sống, tình trạng sức khỏe cho người dân, từng bước làm thay đổi bộ mặt nông thôn. Đồng thời tạo tập quán sử dụng nước sạch của người dân, nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của nhân dân trong công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên nước.

6. Nội dung, quy mô đầu tư, công suất thiết kế:

6.1. Nội dung và quy mô đầu tư: Công trình gồm những hạng mục:

a) Trạm bơm cấp 1: Xây dựng phao đặt máy bơm lấy nguồn nước từ hồ Cầu Trắng, cách khu xử lý 120m. Kết cấu phao bơm bằng khung Inox, Trạm bơm cấp I gồm 02 máy bơm hoạt động luân phiên (mỗi máy bơm có công suất  $Q=20\text{m}^3/\text{h}$ ; cột nước bơm  $H=20\text{m}$ ).

b) Nhà quản lý: Nhà 1 tầng trệt, cấp IV, diện tích xây dựng  $46,2\text{ m}^2$ . Kết cấu: Móng, trụ bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200; tường xây gạch. Hoàn thiện: Mái lợp tôn, trần tôn lạnh, sơn nước trong và ngoài nhà, nền lát gạch ceramic, cửa đi và cửa sổ khung nhôm gắn kính.

c) Nhà hóa chất: Nhà 1 tầng trệt, cấp 4, diện tích xây dựng  $12\text{m}^2$ . Kết cấu: Móng, trụ bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200; tường xây gạch. Hoàn thiện: Mái lợp tôn, trần tôn lạnh, sơn nước trong và ngoài nhà, nền lát gạch ceramic, cửa đi và cửa sổ khung nhôm gắn kính.

d) Bể chứa nước sạch, trạm bơm cấp 2:

- Bể chứa nước sạch: Dung tích  $50\text{m}^3$ . Kết cấu bằng bê tông cốt thép M250.

- Trạm bơm cấp 2: 02 máy bơm hoạt động kết hợp luân phiên, thông số kỹ thuật chính của mỗi máy bơm: Công suất  $Q = 20\text{m}^3/\text{h}$ , cột nước  $H = 35\text{m}$ .

e) Cụm xử lý:

- Nền khu xử lý: Bằng bê tông đá 1x2 M200, dày 30cm.

- Bể lắng: Hệ thống lắng đứng kết hợp bể phản ứng xoáy bao gồm 2 bể có kết cấu gia công bằng thép, thành bể dày 3mm, có kích thước đường kính  $D=1,2\text{m}$ ; chiều cao  $H=4,5\text{m}$ .

- Bể lọc vật liệu nổi: Hệ thống lọc bao gồm 4 bể, kết cấu gia công bằng thép, có kích thước  $D=1,3\text{m}$ ;  $H=3,5\text{m}$ .

- Hệ thống đường ống kỹ thuật: Bằng hệ thống ống thép tráng kẽm.

f) Cổng tường rào, sân khu nhà xử lý:

- Cổng tường rào: Tường rào dài tổng cộng 96,4m, trong đó: Tường mặt trước khu nhà có chiều dài 30m, tường xây gạch, gắn khung thép hộp, bảng hiệu, cổng thép hộp. Các mặt còn lại tường rào xây gạch dài 66,4m, cao 2,1m bên trên có gắn chông thép hộp. Kết cấu: Móng, cột, giằng, bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200. Hoàn thiện: Thép sơn dầu, tường xây quét vôi.

- Sân: Sân có diện tích khoảng 406m<sup>2</sup>. Kết cấu: Mặt sân bằng bê tông đá 1x2 M200, bên dưới là lớp bê tông đá 4x6 M100 dày 10cm; Hệ thống thoát nước mặt có kết cấu bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200.

g) Đòi nước: Đòi nước dung tích 20m<sup>3</sup>, bồn Inox, dày 1,2mm; Kết cấu móng đòi bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250, hệ khung dàn đòi bằng thép hình, đòi nước cao 12m.

h) Tuyến ống nước sạch: Tuyến ống nước sạch được lắp đặt dọc 2 bên đường chính khu vực dân cư tập trung. Tổng chiều dài: 12.077m, bao gồm:

- Ống nhựa PVC đường kính D168, chiều dài: 2.545m.

- Ống nhựa PVC đường kính D90, chiều dài: 9.402m.

- Ống nhựa PVC đường kính D60, chiều dài: 130m.

- Hồ van, trụ cứu hỏa: Trên các tuyến đường ống bố trí hệ các hồ van; trụ báo đường ống; trụ cứu hỏa.

k) Hệ thống điện công trình: Đường điện trung thế và 1 trạm biến áp 3x15KVA, đường dây trung thế có chiều dài 110m.

6.2. Công suất thiết kế: 400 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh.

8. Diện tích sử dụng đất: Tuyến ống và trạm xử lý chiếm diện tích khoảng 1,3ha.

9. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước), cấp IV.

10. Phương án xây dựng: Xây dựng mới.

11. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Không.

12. Tổng mức đầu tư: 13.349.812.996 đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 9.230.948.457 đồng

- Chi phí thiết bị: 1.086.388.815 đồng

- Chi phí quản lý dự án: 150.368.150 đồng

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 837.983.760 đồng

- Chi phí khác: 204.929.871 đồng

- Chi phí dự phòng: 1.839.193.943 đồng

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, vốn khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn vụ Đông Xuân và vốn do nhân dân đóng góp, cụ thể như sau:

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và vốn khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn vụ Đông Xuân: 10.009.812.996 đồng (chiếm 74,98%).

- Vốn do nhân dân đóng góp: 3.340.000.000 đồng (chiếm: 25,02%).

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2013 - 2014.

16. Kế hoạch đấu thầu: Kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và PTNT là chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện tốt dự án theo các nội dung được phê duyệt tại Điều 1.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Lộc Ninh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTTH, KTN;
- Lưu: VT, (Nghĩa: 27.9).



Nguyễn Văn Trâm

## KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU BÁO CÁO KTKT

Công trình Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 30 / 9 /2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	
<b>I</b>	<b>Xây lắp</b>								
1	Gói thầu xây lắp số 01: Xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	6.796.819.453	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và vốn khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn vụ Đông Xuân	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Năm 2013	Theo đơn giá điều chỉnh	270 ngày	
2	Gói thầu xây lắp số 02: Xây dựng và lắp đặt thiết bị hạng mục đường điện trung thế và trạm biến áp 3x15KVA.	192.517.819		Chi định thầu		Năm 2013	Theo đơn giá cố định	60 ngày	
<b>II</b>	<b>Mua sắm hàng hoá</b>								
1	Bảo hiểm công trình.	23.364.454		Chi định thầu		Năm 2013	Trọn gói	Theo thời gian thi công	
<b>III</b>	<b>Dịch vụ tư vấn</b>								
1	Lựa chọn nhà thầu thi công gói thầu xây lắp số 01.	20.139.661		Chi định thầu		Năm 2013	Trọn gói	60 ngày	
2	Lựa chọn nhà thầu thi công gói thầu xây lắp số 02.	845.153		Chi định thầu		Năm 2013	Trọn gói	20 ngày	
3	Giám sát thi công gói thầu xây lắp số 01.	127.180.690		Chi định thầu		Năm 2013	Trọn gói	Theo thời gian thi công	
4	Giám sát thi công gói thầu xây lắp số 02.	3.211.728	Chi định thầu		Năm 2013	Trọn gói	Theo thời gian thi công		
5	Kiểm toán công trình	93.729.849	Chi định thầu		Năm 2014	Trọn gói	30 ngày		

\*

